

BÁO CÁO

**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện
dự toán ngân sách địa phương năm 2024.**

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu – chi ngân sách địa phương năm 2024 và Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Theo đó UBND huyện đã ban hành Quyết định số 4669/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn huyện Tân Châu, cụ thể như sau:

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn.....	669.837 triệu đồng.
+ Thu cân đối NSNN.....	355.696 triệu đồng.
+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	245.891 triệu đồng.
+ Thu nguồn CCTL:.....	68.250 triệu đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương.....	665.837 triệu đồng.
+ Chi cân đối NS.....	497.814 triệu đồng.
+ Chi từ nguồn BSMT.....	168.023 triệu đồng.

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách năm 2024, như sau:

I. KẾT QUẢ ƯỚC THỰC HIỆN THU - CHI NSNN NĂM 2024.

1. Về thu NSNN.

- Thu NSNN trên địa bàn được hưởng theo phân cấp (không bao gồm thu BSCĐ, BSMT và thu chuyển nguồn) ước thực hiện năm 2024 là 399.777 triệu đồng, đạt: 112,39% so dự toán.

- Phân theo khối huyện, xã-thị trấn (tính riêng thu nội địa).

+ Khối huyện: 354.750 triệu đồng, đạt 115,67% so dự toán.

+ Khối xã, thị trấn: 45.027 triệu đồng, đạt 100% so dự toán.

2. Về chi NSNN.

Tổng chi NSNN trên địa bàn ước thực hiện là 1.293.730 triệu đồng, đạt 194,301% so dự toán.

- Chi cân đối NSDP ước thực hiện: 497.814 triệu đồng, đạt 100% so dự toán, tăng 5,76% so cùng kỳ, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển ước thực hiện: 60.910 triệu đồng, đạt 100% so dự toán, giảm 9,1% so cùng kỳ;

+ Chi thường xuyên ước thực hiện: 426.955 triệu đồng, đạt 100% so dự toán, tăng 8,28% so cùng kỳ;

- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 442.022 triệu đồng, đạt 263,07% so dự toán, tăng 227,72% so cùng kỳ.

2.2. Phân theo khối huyện, xã-thị trấn.

+ Khối huyện: 1.115.078 triệu đồng, đạt 198,88% so dự toán.

+ Khối xã, thị trấn: 178.652 triệu đồng, đạt 196,84% so dự toán.

II. ĐÁNH GIÁ.

1. Kết quả đạt được.

1.1. Về thu ngân sách.

- Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo từ cấp ủy Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị huyện với các xã - thị trấn ngay từ đầu năm; Công tác phối hợp, quản lý, khai thác nguồn thu được tập trung chỉ đạo quyết liệt, tích cực hơn. Thu ngân sách được hưởng theo nhiệm vụ được giao (sau khi loại trừ thu phạt ATGT) ước đạt và vượt tiến độ, tăng 7,65% so với cùng kỳ năm 2023.

+ Lệ phí trước bạ ước đạt 116,28% so dự toán, tăng 23,76% so cùng kỳ.

+ Thu phí, lệ phí ước đạt 107,88% so dự toán, tăng 1,14% so cùng kỳ.

+ Các khoản thu về nhà, đất ước đạt 182,55% so dự toán, tăng 30,55% so cùng kỳ.

+ Thu khác ngân sách ước đạt 175% so dự toán, tăng 204,35% so cùng kỳ.

+ Các khoản thu khác tại xã ước đạt 177,78% so dự toán, tăng 98,51% so cùng kỳ.

1.2. Về chi ngân sách.

Thực hiện giao dự toán chi kịp thời, cụ thể theo đúng quy định của tỉnh, chủ động giao kinh phí hoạt động theo từng biên chế tương đương mức tỉnh giao, hạn chế dần cơ chế xin cho, tạo thuận lợi cho các đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế và tài chính hàng năm.

UBND huyện đã chỉ đạo kịp thời các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng định mức, chế độ quy định.

2. Khó khăn.

2.1. Về thu ngân sách.

- 01 khoản thu chiếm tỷ trọng lớn đạt tỷ lệ thấp – Thuế TNCN, ước đạt 80% dự toán.

- 06/12 xã, thị trấn chưa đảm bảo được tiến độ thu NSNN bình quân.

- Tổng nợ thuế tính đến ngày 31/10/2024 là 16.148 triệu đồng. Trong đó: nợ có khả năng thu 16.092 triệu đồng; nợ khó thu 56 triệu đồng.

2.2. Về chi ngân sách.

Do dự toán ngân sách huyện năm 2024 hiện nay chỉ đủ để đảm bảo chi lương, các chế độ chính sách an sinh xã hội và các nhiệm vụ phát sinh mang tính cấp bách. Do đó, ảnh hưởng đến công tác điều hành chi ngân sách, cân đối các nhiệm vụ chi phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Ngoài ra, đối với các xã, thị trấn hụt thu ngân sách theo tiến độ đang triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi ngân sách, đảm bảo cân đối thu – chi theo quy định. Các đơn vị sự nghiệp hụt thu nguồn học phí do chênh lệch mức thu học phí giữa dự toán giao đầu năm và Nghị quyết số 69/2024/NQ-HĐND do đó cũng ảnh hưởng đến điều hành thu – chi của đơn vị, đặc biệt trường THCS thị trấn và Mầm non thị trấn (khoảng 6.000 triệu đồng).

Tiến độ giải ngân vốn đầu tư, vốn thường xuyên (chương trình MTQG, chỉnh trang đô thị,...) đã được phân khai nhưng trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn chậm vì việc xây dựng dự toán trình cấp thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh danh mục công trình, điều chỉnh báo cáo KTKT nên chậm phê duyệt làm ảnh hưởng đến thời gian lựa chọn nhà thầu để triển khai thực hiện theo quy định,...

Kèm theo phụ biểu chi tiết số 93, 94, 95/CK-NSNN.

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2024 trên địa bàn huyện Tân Châu. *ll*

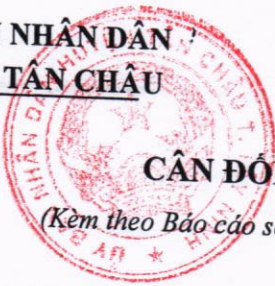
Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện
- Phòng TCKH huyện;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



ll
Nguyễn Thị Phương



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 105/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Tân Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	UTH năm 2024	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	So với cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	665.837	1.293.730	194,30	122,39
I	Thu cân đối NSNN	351.696	399.777	113,67	107,65
1	Thu nội địa được hưởng theo phân cấp	351.696	399.777	113,67	107,65
2	Thu viện trợ				
II	Thu bổ sung cân đối từ NS tỉnh	77.868	117.720	151,18	109,45
III	Thu từ bổ sung có mục tiêu	168.023	442.022	263,07	262,06
IV	Thu nguồn CCTL	68.250	68.250	100,00	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		265.961		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	665.837	1.293.730	194,30	122,39
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	497.814	497.814	100,00	105,76
1	Chi đầu tư phát triển	60.910	60.910	100,00	90,90
2	Chi thường xuyên	426.955	426.955	100,00	108,28
3	Dự phòng	9.949	9.949	100,00	105,95
4	Chi tạo nguồn CCTL	-	-		-
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	168.023	442.022	263,07	327,72
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		353.894		



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 165/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Tân Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	ƯTH năm 2024	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	235.000	266.328	113,33	106,90
I	Thu nội địa	235.000	266.328	113,33	106,90
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	121.130	117.120	96,69	93,10
4	Thuế thu nhập cá nhân	40.000	32.000	80,00	77,82
5	Thuế bảo vệ môi trường			-	
6	Lệ phí trước bạ	21.500	25.000	116,28	123,76
7	Thu phí, lệ phí	3.300	3.560	107,88	101,14
8	Các khoản thu về nhà, đất	36.620	66.848	182,55	130,55
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-	-	
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	120	244	203,33	60,25
-	Thu giao quyền sử dụng đất	32.000	55.000	171,88	122,22
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	4.500	11.604	257,87	200,07
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			-	
9	Thu khác ngân sách	12.000	21.000	175,00	304,35
10	Các khoản thu khác tại xã	450	800	177,78	198,51
II	Thu viện trợ			-	
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	351.696	399.777	113,67	107,65
1	Từ các khoản thu phân chia	120.696	139.549	115,62	114,17
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	231.000	260.228	112,65	104,45

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số: 1665/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Tân Châu)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	ƯTH năm 2024	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	665.837	1.293.730	194,30	213,64
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	497.814	497.814	100,00	105,76
I	Chi đầu tư phát triển	60.910	60.910	100,00	90,90
1	Chi XD CB tập trung	25.910	25.910	100,00	94,18
2	Chi từ nguồn thu tiền SDD	32.000	32.000	100,00	85,33
3	Chi đầu tư tạo quỹ đất phát triển		-		-
4	Chi ủy thác qua NHCSXH	3.000	3.000	100,00	150,00
II	Chi thường xuyên	426.955	426.955	100,00	108,28
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	225.970	225.970	100,00	109,23
2	Chi khoa học và công nghệ	117	117	100,00	90,00
3	Chi y tế, dân số và gia đình	2.900	2.900	100,00	145,00
4	Chi văn hóa thông tin				
5	Chi phát thanh, truyền hình	6.412	6.412	100,00	102,49
6	Chi thể dục thể thao				
7	Chi bảo vệ môi trường	4.650	4.650	100,00	91,18
8	Chi hoạt động kinh tế	25.147	25.147	100,00	100,73
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	92.250	92.250	100,00	107,28
10	Chi bảo đảm xã hội	29.701	29.701	100,00	139,34
11	Chi an ninh quốc phòng	35.309	35.309	100,00	99,02
12	Chi khen thưởng	1.080	1.080	100,00	83,08
13	Chi khác	3.419	3.419	100,00	72,76
III	Dự phòng ngân sách	9.949	9.949	100,00	105,95
IV	Chi tạo nguồn CCTL				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	168.023	442.022	263,07	327,72
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		-		-
2	Cho các chương trình dự án vốn đầu tư	148.205	148.205	100,00	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	19.818	293.817	1.482,58	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		353.894		